

**Câu 1:** Tập hợp P các số tự nhiên lớn hơn 6 có thể viết là.

- A.  $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 7\}$       B.  $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 7\}$   
C.  $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x > 7\}$       D.  $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x \geq 7\}$

**Câu 2:** Chữ số 5 trong số 2358 có giá trị là.

- A. 5000      B. 500      C. 50      D. 5

**Câu 3:** Chỉ ra cặp số tự nhiên liền trước và liền sau của số 99.

- A. (97; 98)      B. (98; 100)      C. (100; 101)      D. (97; 101)

**Câu 4:** Cho tập  $A = \{2; 3; 4; 5\}$ . Phần tử nào sau đây thuộc tập A.

- A. 1      B. 3      C. 7      D. 8

**Câu 5:** Tổng  $15 + 30$  chia hết cho số nào sau đây:

- A. 2 và 3      B. 2 và 5      C. 3 và 5      D. 2; 3 và 5

**Câu 6:** Cho  $18 \nmid x$  và  $7 \leq x < 18$ . Thì x có giá trị là:

- A. 2      B. 3      C. 6      D. 9

**Câu 7:** Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố

- A. 16      B. 27      C. 2      D. 35

**Câu 8:** Chọn khẳng định đúng?

- A.  $a^m : a^n = a^{m-n}$  ( $a \neq 0; m \geq n$ )      B.  $a^m \cdot a^n = a^{m-n}$  ( $a \neq 0; m \geq n$ )  
C.  $a^m + a^n = a^{m-n}$  ( $a \neq 0; m \geq n$ )      D.  $a^m : b^n = a^{m-n}$  ( $a \neq 0; m \geq n$ )

**Câu 9:** Kết quả phép tính  $13 - 5 + 3$  là:

- A. 11      B. 12      C. 8      D. 10

**Câu 10:** Kết quả phép tính  $18 : 3^2 \cdot 2$  là:

- A. 18      B. 4      C. 1      D. 12

**Câu 11:** Kết quả phép tính  $2^4 \cdot 2$  là:

- A.  $2^4$       B.  $2^3$       C.  $2^6$       D.  $2^5$

**Câu 12:** Số 75 được phân tích ra thừa số nguyên tố là:

- A.  $2 \cdot 3 \cdot 5$       B.  $3 \cdot 5 \cdot 7$       C.  $3 \cdot 5^2$       D.  $3^2 \cdot 5$

**Câu 13:** Cho  $x \in \{5, 16, 25, 135\}$  sao cho tổng  $20 + 35 + x$  không chia hết cho 5. Thì x là:

- A. 5      B. 16      C. 25      D. 135

**Câu 14:** Số la mã mười tám viết là ?

- A. XIIX      B. XVI      C. XIX      D. XVIII

**Câu 15:** Trong tam giác đều mỗi góc có số đo bằng:

A.  $60^\circ$

B.  $45^\circ$

C.  $90^\circ$

D.  $30^\circ$

**Câu 16:** Trong hình vuông có:

A. Hai cạnh đối bằng nhau

B. Hai đường chéo bằng nhau

C. Bốn cạnh bằng nhau

D. Hai đường chéo vuông góc

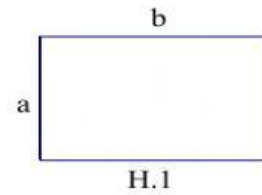
**Câu 17:** Cho H.1. Công thức tính chu vi của hình chữ nhật là:

A.  $C = 4a$

B.  $C = \frac{1}{2}(a + b)$

C.  $C = \frac{1}{2}ab$

D.  $2(a + b)$



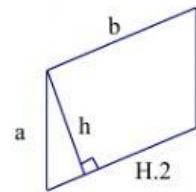
**Câu 18:** Cho H.2. Công thức tính diện tích của hình bình hành là:

A.  $S = ab$

B.  $S = \frac{1}{2}ah$

C.  $S = \frac{1}{2}bh$

D.  $S = ah$



**Câu 19:** Cho hình thoi, biết độ dài hai đường chéo là 2cm và 4cm. Thì diện tích hình thoi là:

A. 4

B. 6

C. 8

D. 2

**Câu 20:** Cho hình bình hành ABCD (H.3). Biết  $AB = 3\text{cm}$ ,  $BC = 2\text{cm}$ . Chu vi của hình bình hành ABCD là:

A. 6

B. 10

C. 12

D. 5

